

Bản án số: 56/2023/DS-PT

Ngày: 21/02/2023.

“V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Viết Văn.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tiến Dũng;

Ông Đinh Như Lâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Quán Việt Phương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 556/2022/TLPT- DS ngày 30 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp chia thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐ-PT ngày 16/01/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 34/2023/QĐPT-HPT ngày 09/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Đội 2 thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 21 ngõ 254 đường Bưởi, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Đội 2 thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị Thực, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Khu tập thể Thực phẩm, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị Đoàn, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 39 ngõ 15B phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Khu tập thể Thực phẩm, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Sỹ Thái, sinh năm 1975;

+ Chị Nguyễn Thu Trang, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Số 05 ngách 02/41 phố Vọng, phường Đông Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

(Bà Thực, bà Đoàn, bà Hoa, anh Thái, chị Trang ủy quyền cho ông Hùng tham gia tố tụng).

+ Bà Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số 21 ngõ 254 đường Bưởi, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị Toan, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 05, ngách 41/2 phố Vọng, phường Đông Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo, Ông Nguyễn Văn S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Bố ông là cụ Nguyễn Văn Tình (đã chết năm 2007) và mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Mặc (đã chết năm 2005) có sinh được 6 người con gồm:

- Bà Nguyễn Thị Thực, sinh năm 1948;

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1949;

- Ông Nguyễn Sỹ Nghiệp, sinh năm 1951 (ông Nghiệp chết năm 1992, có vợ là bà Nguyễn Thị Toan và 02 con là anh Nguyễn Sỹ Thái, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thu Trang, sinh năm 1981);

- Bà Nguyễn Thị Đoàn, sinh năm 1958;

- Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1960;

- Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1964;

Quá trình chung sống bố mẹ ông có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02, diện tích 414m², địa chỉ tại đội 02, thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1992 đứng tên bố ông là cụ Nguyễn Văn Tình. Trên đất có 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 1979, 01 bếp và 01 chuồng chăn nuôi, sân gạch có mái tôn, tường bao đã qua sử dụng. Nguồn gốc thửa đất và ngôi nhà cấp 4 là do bố mẹ ông mua thanh lý của Hợp tác xã mua bán Cổ Đô vào năm 1991; cổng, tường bao quanh thửa đất do vợ chồng ông xây dựng năm 1994; nhà bếp, công trình phụ và chuồng chăn nuôi vợ chồng ông xây dựng năm 1996; năm 2007 vợ chồng ông xây dựng mái tôn, sân gạch và tôn tạo mới khuôn viên, cửa, mái ngói cho ngôi nhà cấp 4 như hiện nay.

Sau khi mua đất và nhà, bố mẹ ông và ông cùng sinh sống trên thửa đất trên. Năm 1993, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Dung và sinh được 02 con. Bố mẹ ông cùng sinh sống với gia đình ông trên thửa đất trên đến khi bố mẹ ông qua đời. Sau khi bố mẹ ông qua đời, gia đình ông vẫn tiếp tục sinh sống trông nom, quản lý đến nay. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng ông có cải tạo, xây dựng, sửa chữa thửa đất và các tài sản công trình trên đất như trên.

Bố ông bị bệnh mất trí nhớ do tuổi già từ đầu những năm 2000. Năm 2005, sau khi biết mình bị ung thư, mẹ ông là cụ Mặc có lập di chúc đề ngày 09/6/2005. Di chúc do mẹ ông đọc cho các cháu họ là ông Nguyễn Huy Liễu chấp bút và ông Nguyễn Văn Lạn cùng chứng kiến, mẹ ông có điểm chỉ vào di chúc bằng ngón trỏ bàn tay phải trước sự chứng kiến của những người làm chứng. Di chúc có nội dung giao cho ông được thừa kế, sử dụng thửa đất trên để làm nơi thờ cúng cho bố mẹ ông sau này.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết:

1. Phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là thửa đất số: Thửa 302, tờ bản đồ số 02 diện tích 414m², địa chỉ tại Đội 02, thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và tài sản trên đất là tài sản chung của bố mẹ ông theo Bản di chúc đề ngày 09/6/2005 của cụ Nguyễn Thị Mặc.

2. Trường hợp di chúc không có hiệu lực pháp luật, đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế là thửa đất trên cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

3. Xem xét công sức đóng góp của vợ chồng ông trong quá trình duy trì, tôn tạo, bảo vệ di sản thừa kế là thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02, diện tích 414m², địa chỉ tại Đội 02, thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô. Đề nghị Tòa án khi phân chia di sản thừa kế cho vợ chồng ông được hưởng phần công sức trên bằng quyền sử dụng đất. Về vị trí, diện tích đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với phần diện tích đất 5% (thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 288m², GCN quyền sử dụng đất hộ Nguyễn Văn Tình cấp ngày 23/9/1999) tại thời điểm cấp GCN quyền sử dụng đất hộ gia đình ông gồm 06 người là có cụ Mặc, bà

Nguyễn Thị Thực, Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Sỹ Nghiệp, bà Nguyễn Thị Đoàn, bà Nguyễn Thị Hoa.

Đối với thửa đất 5% số 689-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 288m², thửa đất nông nghiệp số 283-11, tờ bản đồ số 01, diện tích 48m², thửa đất số 41-5, tờ bản đồ số 10, diện tích 48m², thửa đất số 482-8, tờ bản đồ số 10, diện tích 74m², thửa đất số 166-8, tờ bản đồ số 13, diện tích 19m², thửa đất số 94-6, tờ bản đồ số 07, diện tích 21m² và thửa đất số 80-16, tờ bản đồ số 14, diện tích 95m² ông Sảnh yêu cầu giải quyết, ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về chi phí mai táng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai, bị đơn Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông đồng ý với trình bày của ông Hùng về thời gian bố mẹ ông chết và bố mẹ ông có 6 người con như ông Hùng trình bày. Ngoài những di sản ông Hùng trình bày, di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại còn có các tài sản khác gồm: Diện tích đất 5% (thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 288m², GCN quyền sử dụng đất hộ Nguyễn Văn Tình cấp ngày 23/9/1999). Ông đề nghị phân chia cả những di sản ngoài di sản như ông Hùng trình bày. Đối với tài sản của bố mẹ ông để lại có công sức của vợ chồng ông, ông đề nghị Tòa án xem xét công sức của vợ chồng ông trong đó. Đối với một số tài sản ông yêu cầu nhưng không còn hoặc chưa định giá được gồm: 01 bức tranh của họa sĩ Sỹ Tốt, 01 bình gốm, 02 gỗ lửa ông chỉ đưa ra mục đích chính để thờ cúng bố mẹ, nếu không còn ông rút yêu cầu.

Đối với phần diện tích đất 5% tại thời điểm cấp GCN quyền sử dụng đất cấp cho 05 người là cụ Mặc, bà Thực, ông Sảnh, ông Nghiệp, bà Đoàn.

Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là thửa đất nông nghiệp số 283-11, tờ bản đồ số 01, diện tích 48m², thửa đất số 41-5, tờ bản đồ số 10, diện tích 48m², thửa đất số 482-8, tờ bản đồ số 10, diện tích 74m², thửa đất số 166-8, tờ bản đồ số 13, diện tích 19m², thửa đất số 94-6, tờ bản đồ số 07, diện tích 21m² và thửa đất số 80-16, tờ bản đồ số 14, diện tích 95m².

Ông không công nhận di chúc của cụ Mặc để lại.

Về chi phí mai táng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về di sản bố mẹ ông để lại, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại các lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Dung có cùng quan điểm với Ông Nguyễn Mạnh H.

Tại các lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Cúc (vợ Ông Nguyễn Văn S) có cùng quan điểm với ông Sảnh.

Tại các lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn (con của cụ Tình và cụ Mặc) và bà Toan (vợ ông Nghiệp), anh Thái,

chị Trang (con của ông Nghiệp) đều trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Tình (đã chết năm 2007) và cụ Nguyễn Thị Mặc (đã chết năm 2005) có sinh được 6 người con như Ông Nguyễn Mạnh H trình bày. Bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang có cùng quan điểm với ông Hùng và đề nghị Tòa án xem xét hiệu lực Bản di chúc đề ngày 09/6/2005 của cụ Nguyễn Thị Mặc, trường hợp di chúc có hiệu lực thì phân chia di sản thừa kế theo di chúc. Trường hợp di chúc không có hiệu lực pháp luật hoặc có phần di sản thừa kế không phân chia được theo di chúc thì phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Ghi nhận công sức duy trì, tôn tạo, bảo vệ di sản thừa kế cho Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Dung. Bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang đồng ý cho ông Hùng và bà Dung được nhận phần của mình bằng quyền sử dụng đất, về diện tích, vị trí được hưởng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về yêu cầu phân chia thừa đất số 689-1 tờ bản đồ số 02 diện tích 288m² (12 thước) là đất 5% của hộ cụ Nguyễn Văn Tình hiện ở tại Cánh đồng Miếu, thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô: Thừa đất trên là đất nông nghiệp do Hợp tác xã Nông nghiệp Cổ Đô và chính quyền phân chia cho các thành viên trong hộ gia đình với định mức 02 thước (48m²/người cho các thành viên trong hộ vào thời điểm năm 1960) là: Cụ Nguyễn Thị Mặc, bà Nguyễn Thị Thực, Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Sỹ Nghiệp, bà Nguyễn Thị Đoàn và bà Nguyễn Thị Hoa. Cụ Nguyễn Văn Tình do đi công tác, Ông Nguyễn Mạnh H do chưa sinh nên không có phần trong thừa đất. Diện tích đất trên do Ông Nguyễn Mạnh H quản lý, sử dụng canh tác. Nay Ông Nguyễn Văn S yêu cầu phân chia thừa đất trên, bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang đồng ý phân chia, đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang đề nghị Tòa án phân chia thừa đất cho những thành viên trong hộ gia đình đã được cấp, theo đó phần của bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Phần của cụ Nguyễn Thị Mặc đề nghị Tòa án xác định là di sản thừa kế và phân chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Kỷ phần thừa kế và phần được hưởng trong thừa đất trên sau khi được Tòa án phân chia bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang sẽ giao cho Ông Nguyễn Mạnh H quản lý, sử dụng canh tác hàng ngày. Khi nào có sự thay đổi về chính sách đất đai đối với phần được phân chia trong thừa đất trên (như chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi giải phóng mặt bằng...) bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước sau.

Đối với các diện tích đất nông nghiệp còn lại là xuất đất cụ Nguyễn Thị Mặc được giao năm 1993 với tổng diện tích trên GCNQSD đất là 305m² (hiện GCNQSD đất đã hết giá trị sử dụng từ năm 2013), do thôn Cổ Đô chưa thực hiện xong chính sách dồn điền đổi thửa của Nhà nước nên gia đình chưa được cấp đổi lại QSDĐ, do

vậy chưa xác định được phần đất nông nghiệp của hộ gia đình ở đâu. Nay ông Sảnh yêu cầu phân chia diện tích này bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang đồng ý phân chia, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu được phân chia các phần diện tích đất nông nghiệp này, bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang đồng ý nhận bằng hiện vật và sẽ giao cho Ông Nguyễn Mạnh H quản lý, sử dụng canh tác hàng ngày. Khi nào có sự thay đổi về chính sách đất đai đối với phần được phân chia trong thửa đất trên (như chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi giải phóng mặt bằng...) bà Thực, bà Hoa, bà Đoàn, bà Toan, anh Thái, chị Trang sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của tôi đối với Nhà nước sau. Về chi phí mai táng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Các đương sự có mặt giữ nguyên quan điểm. Ông Sảnh, bà Cúc không công nhận công sức đóng góp của ông Hùng, bà Dung, đề nghị tính công sức của ông bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Ông Nguyễn Mạnh H.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tình và cụ Nguyễn Thị Mặc gồm có:

+ Thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02, diện tích theo GCN quyền sử dụng đất 414m², địa chỉ tại đội 02, thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội, GCN quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1992 ông Nguyễn Văn Tình, diện tích đo đạc thực tế là 437,2m² và các tài sản trên đất.

+ 48m² đất 5% trong thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 288m² tại Đội 3 thôn Cổ Đô – xã Cổ Đô – huyện Ba Vì, GCN quyền sử dụng đất hộ Nguyễn Văn Tình cấp ngày 23/9/1999 là di sản của cụ Nguyễn Thị Mặc có giá trị 9.600.000đ.

Tổng giá trị di sản là 932.105.422đ (Chín trăm ba mươi hai triệu một trăm linh lăm nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

Trích cho Ông Hùng, bà Dung 10% tổng giá trị di sản là 93.210.542đ (Chín mươi ba triệu hai trăm mười nghìn lăm trăm bốn mươi hai đồng).

Số di sản còn lại chia là 838.894.880đ. Hàng thừa kế thứ nhất chia là 6 kỳ phần, mỗi kỳ phần có giá trị 139.815.813đ.

- Giao cho Ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng 74,9m² của thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02, được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7,8,2 (Gồm 60m² đất ở, còn lại là đất vườn) có giá trị 149.800.000đ và 06 cây Mít trên đất có giá trị 2.400.000đ; 8m² đất và 48 m² theo tiêu chuẩn (tổng là 56m²) trong thửa đất số

689-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 288m² có giá trị 11.200.000đ. Tổng giá trị tài sản 163.400.000đ.

- Chia cho ông Hùng được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 362,3m² của thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02 được giới hạn bởi các điểm 1,2,8,9,10,11,12,13,1 (Gồm 166,7m² đất ở, còn lại là đất vườn) có giá trị 724.600.000đ và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái ngói có giá trị 5.175.000đ; 01 bếp có giá trị 1.560.546đ; 01 mái tôn có giá trị 606.686đ; 01 sân gạch đỏ có giá trị 157.990đ; 07 cây cau có giá trị 1.260.000đ; 07 cây bưởi có giá trị 1.117.200đ; 01 cây hồng xiêm có giá trị 228.000đ; 04 cây mít có giá trị 1.600.000đ; 01 bộ trường kỷ gỗ dâu có giá trị 10.000.000đ; 01 tủ và 01 sập gụ có giá trị 15.000.000đ; 01 chiếu sà cừ có giá trị 5.000.000đ; 01 tủ gỗ rỗi có giá trị 4.000.000đ và 232m² đất 5% trong thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, có giá trị 46.400.000đ.

(Phần đất được chia có sơ đồ đính kèm. Khi làm GCNQSDĐ người được giao đất phải có nghĩa vụ tài chính đối với phần đất mình được giao).

Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hùng số tiền 13.984.187đ (Mười ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý, Ông Nguyễn Văn S kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông Sảnh có nội dung chính:

1. Bản án chỉ xác định Bản di chúc ngày 09/6/2005 là một bản di chúc không công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền nên quyết định không công nhận và chia thừa đất thổ cư số 302 tờ bản đồ số 02 theo pháp luật là chưa thỏa đáng.

* Ông Sảnh khẳng định Bản di chúc này là giả mạo vì:

- Nội dung của nó trái với ý trí của mẹ ông khi cụ minh mẫn và khỏe mạnh. Như ông đã trình bày trong Bản tự khai ngày 04/5/2022, vì vợ chồng ông có đóng góp 2 triệu đồng để bố mẹ mua thửa đất này và nhà cửa kèm theo nên có lần mẹ ông đã nói trước mặt vợ chồng ông và vợ chồng nguyên đơn rằng gần hết số tiền để mua nhà đất này là của vợ chồng ông nên cụ để cho vợ chồng ông quyết định.

- Vì nó là giả mạo nên nguyên đơn không dám báo để các anh chị về cùng chứng kiến và nghe mẹ dặn dò.

- Vì nó là giả mạo nên nguyên đơn không thể lập Bản di chúc này theo đúng quy định của pháp luật về di chúc hợp pháp tại Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995 có hiệu lực đến ngày 31/12/2005.

2. Bản án phân chia cả di sản là cây trồng lâu năm trên thửa đất là không đúng với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật dân sự. Bởi vì không có người thừa kế nào yêu cầu phân chia di sản này.

3. Bản án chia cho ông một phần đất đầu thửa, đuôi theo đầy góc cạnh trong thửa đất là trái với đạo lý, không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 5 Bộ luật dân sự. Theo tập quán, ông là con trai trưởng nên có trách nhiệm thờ cúng bố mẹ. Ông mong muốn xây nhà thờ bố mẹ trên thửa đất di sản này. Năm 2014, ông đã đề nghị và được các đồng thừa kế nhất trí đề vợ chồng ông bỏ tiền ra xây nhà thờ bố mẹ trên nền di sản và vợ chồng nguyên đơn bỏ tiền ra xây nhà cho gia đình mình ở vị trí nào khác tùy ý. Nhưng thỏa thuận này không thực hiện được vì nguyên đơn đột nhiên quyết định đưa cả gia đình xuống ở nhà mẹ vợ và xây nhà mới ở đó nhằm chiếm hữu bất động sản này. Ông buộc phải cúng giỗ bố mẹ ông tại nhà ông ở Hà Nội, không về cúng giỗ bố mẹ ở nhà di sản nữa là vì sự chống đối quyết liệt của vợ chồng nguyên đơn. Từ khóa cửa không cho vợ chồng ông vào nhà đến tổ chức cúng giỗ riêng với các chị, sai con tranh giành bàn thờ với ông. Đình điểm là lần nguyên đơn xông đến để đánh ông ngay sau lễ giỗ, may mà hai em rể ôm giữ lại được, nếu không thì không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Thế mà vợ chồng nguyên đơn vẫn trơ tráo đổ lỗi vì ông mà không có thỏa thuận chia di sản thừa kế và từ khi rút đơn kiện năm 2014 đến nay, ông không về cúng giỗ bố mẹ tại nhà di sản. Thật đúng là “Vừa ăn cướp vừa la làng”.

4. Bản án chia thừa kế đất kinh tế gia đình (đất 5%) số 689-1 tờ bản đồ số 2 diện tích 288m² là không đúng pháp luật. Bởi vì thửa đất này là do Hợp tác xã Nông nghiệp để lại cho hộ gia đình xã viên bao gồm 5 người là mẹ ông, Nguyễn Thị Thực, ông, Nguyễn Thị Đoàn, Nguyễn Thị Hoa theo quy định tại Điều 9 Điều lệ mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp bậc thấp ban hành theo Thông tư số 449-TTg ngày 17/12/1959 của Thủ tướng Chính phủ. Điều 744 Bộ luật dân sự năm 1995 có hiệu lực đến ngày 31/12/2005 quy định: “Hộ gia đình được Nhà nước giao đất để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, nếu hộ gia đình có người chết thì các thành viên khác trong hộ gia đình được quyền tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước giao cho hộ đó, nếu trong hộ không còn thành viên nào thì Nhà nước thu hồi đất đó”. Nguyễn Sĩ Nghiệp chết năm 1992, mẹ ông chết năm 2005, vì vậy chỉ có 4 người được quyền tiếp tục sử dụng thửa đất 5% này là ông, Nguyễn Thị Thực, Nguyễn Thị Đoàn và Nguyễn Thị Hoa, mỗi người được 72m².

5. Bản án tính công sức 10% cho nguyên đơn đối với thửa đất 5% cũng là không đúng pháp luật. Bởi vì, chỉ có mẹ ông canh tác hoặc để cho người khác canh tác trên thửa đất này, nguyên đơn và tất cả các đồng thừa kế khác đều đi công tác thoát ly.

6. Bản án chia thửa đất 5% theo chiều dọc như hồ trong hồ sơ đính kèm là bất hợp lý, gây khó cho ông trong việc sử dụng.

7. Ông phản đối quyết định của Bản án chưa chia khối di sản bao gồm 6 thửa đất nông nghiệp với lý do để chờ đôn điền đổi thửa. Ông đề nghị chia ngay theo tổng diện tích để giải quyết dứt điểm cụ tranh chấp kéo dài gần 20 năm nay. Theo ông, chia khối di sản này theo tổng diện tích sẽ tạo thuận lợi hơn cho việc đôn điền đổi thửa sau này.

8. Ông phản đối Bản án sơ thẩm chia tất cả các di sản theo tổng giá trị bằng tiền. Trong các di sản bố mẹ ông để lại có cả vật chia được và không chia được. Ông đề nghị các di sản là vật chia được thì chia bằng hiện vật, các di sản là vật không chia được thì chia theo giá trị bằng tiền.

9. Ông phản đối việc Bản án không tính công sức của vợ chồng ông. Như ông đã trình bày trong Bản tự khai ngày 04/5/2022 và Đơn đề nghị ngày 05/5/2022, do vợ chồng ông có đóng góp 2 triệu đồng để bố mẹ mua thửa đất này và nhà cửa kèm theo nên có lần mẹ ông đã nói trước mặt vợ chồng ông và vợ chồng nguyên đơn rằng gần hết số tiền để mua nhà đất này là của vợ chồng ông nên cụ đề cho vợ chồng ông quyết định. Trong bản tự khai ngày 23/5/2022, nguyên đơn viết: “Về việc ông Sảnh trình bày trước Tòa án có đưa cho bố mẹ ông số tiền 2 triệu đồng để mua đất và có lần mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Mặc nói trước mặt vợ chồng ông rằng gần hết số tiền mua nhà đất này là của vợ chồng ông Sảnh nên cụ đề cho vợ chồng ông Sảnh quyết định quyết định, ông xin có ý kiến như sau: Về việc ông Sảnh đưa cho bố mẹ tôi số tiền 2 triệu đồng để mua đất ông không nắm được cụ thể”. Như vậy là nguyên đơn không phủ nhận có sự việc này. Vì vậy theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, ông không cần phải chứng minh cho sự việc vợ chồng ông có đóng góp cho bố mẹ ông 2 triệu đồng để mua thửa đất thổ cư và nhà ở trên đó.

Công sức chăm sóc bố mẹ lớn nhất là của vợ chồng ông, lo liệu mọi việc cho bố phẫu thuật ở Bệnh viện Việt Đức, mẹ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Bạch Mai và đóng góp thêm tiền ngoài lương hưu của bố để vợ chồng chị cả chăm sóc bố được tốt hơn. Việc vợ chồng ông lo liệu mọi việc cho bố phẫu thuật ở Bệnh viện Việt Đức và mẹ khám chữa bệnh ở Bệnh viện Bạch Mai tất cả các đồng thừa kế đều chứng kiến từ đầu đến cuối. Việc vợ chồng ông đóng góp thêm tiền để chăm sóc bố, vợ chồng chị cả là nhân chứng trực tiếp.

10. Ngược lại đối với công sức của vợ chồng nguyên đơn khai báo như xây công và tường bao quanh thửa đất năm 1994; xây nhà bếp, công trình phụ và chuồng chăn nuôi năm 1996; mua sập gụ, tủ chè năm 2000 vv... thì Hội đồng xét xử lại chấp nhận một cách dễ dàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm do chưa xác minh diện tích đất tại thửa 302 nhiều hơn là do đâu; định giá cả đất ở và đất trồng

cây lâu năm cùng một giá; chưa giải quyết yêu cầu chia 6 thửa đất nông nghiệp với lý do để chờ dồn điền đổi thửa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng, Ông Nguyễn Văn S nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn S, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về Bản di chúc ngày 09/6/2005: Bản án dân sự sơ thẩm xác định việc cụ Mặc tự định đoạt tài sản chung khi lập di chúc là không đúng quy định. Các hàng thừa kế đều xác nhận thời điểm lập di chúc cụ Nguyễn Văn Tình mắc bệnh mất trí nhớ. Bản di chúc không được công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 655, 656, 660 Bộ luật Dân sự 1995, không công nhận bản di chúc ngày 09/6/2005 của cụ Nguyễn Thị Mặc là phù hợp với quy định của pháp luật. Di sản thừa kế của cụ Tình và cụ Mặc được chia theo pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Tình và cụ Mặc gồm có:

+ Thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02, diện tích 414m², địa chỉ tại đội 02, thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội qua đo đạc thực tế là 437,2m². Xét thấy, diện tích đo thực tế lớn hơn so với sổ sách địa chính nhưng có khuôn viên rõ ràng được xây bằng tường gạch, không có tranh chấp với các hộ liền kề, không lấn chiếm đất công (là đường đi) nên xác định diện tích đo thực tế là 437,2m² để chia thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật; việc định giá đất ở và đất trồng cây lâu năm cùng một giá cũng không trái quy định của pháp luật; các tài sản trên đất gồm có nhà mái ngói, bếp lợp mái ngói, nhà mái tôn, sân gạch đỏ; các cây lâu năm gồm: cây cau, bưởi, hồng xiêm, mít; các tài sản khác: bộ trường kỷ gỗ dâu, 01 tủ và 01 sập gụ, 01 chiếu sà cừ, tủ gỗ đôi.

+ 48m² đất 5% trong thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 288m² tại Đội 3 thôn Cổ Đô – xã Cổ Đô – huyện Ba Vì.

+ Về kháng cáo Bản án phân chia cả di sản là cây trồng lâu năm trên thửa đất là không đúng với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật dân sự thấy rằng: Các cây lâu năm nêu trên thuộc sở hữu của cụ Tình và cụ Mặc được xác định là di sản thừa kế và chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật nhằm giải quyết triệt để vụ án.

Về kháng cáo, Bản án chia cho ông Sảnh một phần đất đầu thừa, đuôi theo, đầy góc cạnh trong thửa đất là trái với đạo lý, không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 5 Bộ luật dân sự. Theo tập quán, ông Sảnh là con trai trưởng nên có trách nhiệm thờ cúng bố mẹ. Ông Sảnh mong muốn xây nhà thờ bố mẹ trên thửa đất di sản này. Thấy rằng, Bản án dân sự sơ thẩm khi chia thừa kế đã căn cứ hiện trạng thửa đất, diện tích đất được hưởng thừa kế để chia, thuận tiện cho việc sử dụng; cụ thể, phần ông Sảnh được quyền sử dụng 74,9m² là rất nhỏ trong tổng diện tích đất 437,2m² của thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02. Do đó, Bản án dân sự sơ thẩm chia cho ông Sảnh 74,9m² tại vị trí sát ngõ đi công cộng thuận tiện cho việc sử dụng đất là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thực tiễn.

Về việc tính công sức: Bản án dân sự sơ thẩm xác định thực tế cụ Tình, cụ Mặc sống cùng vợ chồng ông Hùng, bà Dung. Thời kỳ ông Hùng, bà Dung chung sống cùng các cụ gia đình phát triển được số tài như mua sập gỗ, tủ chè, tủ tường, xây tường, sửa nhà và bếp. Sau khi các cụ mất, ông bà đã là người quản lý di sản nên trích ra cho ông Hùng, bà Dung 10% tổng giá trị di sản là 93.210.542đồng. Việc xác định và tính công sức để đảm bảo sự công bằng khi chia thừa kế, phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Sảnh, bà Cúc cũng đề nghị tính công sức của vợ chồng ông bà vào khối di sản nhưng lời khai của ông bà không được các đương sự khác trong vụ án thừa nhận, ông bà cũng không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh; do đó không được chấp nhận.

Về kháng cáo Bản án chia thừa đất 5% theo chiều dọc như hồ trong hồ sơ đính kèm là bất hợp lý, gây khó cho ông Sảnh trong việc sử dụng; thấy rằng, đất 5% là đất sản xuất nông nghiệp nên việc chia dọc hay chia ngang thửa đất không ảnh hưởng đến việc sản xuất nông nghiệp.

Về kháng cáo các di sản là vật chia được thì chia bằng hiện vật, các di sản là vật không chia được thì chia theo giá trị bằng tiền; thấy rằng, di sản là hiện vật được Bản án dân sự sơ thẩm chia là hợp lý, phần chênh lệch được thanh toán bằng tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về kháng cáo Bản án chưa chia khối di sản bao gồm 6 thửa đất nông nghiệp với lý do để chờ dồn điền đổi thửa, thấy rằng: 6 thửa đất nông nghiệp hiện đang trong quá trình dồn điền đổi thửa; Bản án dân sự sơ thẩm không giải quyết trong vụ án này là phù hợp, khi nào được giao đất ruộng nếu có ai yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Như đã trích dẫn và phân tích trên, Bản án dân sự sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của pháp luật để phân chia thừa kế tài sản phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Sảnh, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 200, điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 271, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Ông Nguyễn Mạnh H.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tình và cụ Nguyễn Thị Mặc gồm có:

+ Thừa đất số 302, tờ bản đồ số 02, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 414m², địa chỉ tại đội 02, thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1992 cho ông Nguyễn Văn Tình, diện tích đo đạc thực tế là 437,2m² và các tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tình và cụ Nguyễn Thị Mặc.

+ 48m² đất 5% trong thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 288m² tại Đội 3 thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ Nguyễn Văn Tình cấp ngày 23/9/1999 là di sản của cụ Nguyễn Thị Mặc có giá trị 9.600.000đ.

Tổng giá trị di sản là 932.105.422đ (*chín trăm ba mươi hai triệu một trăm linh lăm nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng*).

Trích công sức cho ông Hùng, bà Dung bằng 10% tổng giá trị di sản là 93.210.542đ (*chín mươi ba triệu hai trăm mười nghìn lăm trăm bốn mươi hai đồng*).

Số di sản còn lại chia thừa kế là 838.894.880đ. Hàng thừa kế thứ nhất chia là 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 139.815.813đ.

3. Chia thừa kế bằng hiện vật, cụ thể:

Chia cho Ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng diện tích đất 74,9m² của thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02, được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7,8,2 (gồm

60m² đất ở, còn lại là đất vườn) có giá trị 149.800.000đ và 06 cây mít trên đất có giá trị 2.400.000đ; 56m² đất 5% (trong đó có 8m² đất thừa kế và 48 m² theo tiêu chuẩn của ông Sánh) trong thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, có giá trị 11.200.000đ. Tổng giá trị tài sản 163.400.000đ.

Chia cho Ông Nguyễn Mạnh H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 362,3m² của thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02 được giới hạn bởi các điểm 1,2,8,9,10,11,12,13,1 (gồm 166,7m² đất ở, còn lại là đất vườn) có giá trị 724.600.000đ và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái ngói có giá trị 5.175.000đ; 01 bếp có giá trị 1.560.546đ; 01 mái tôn có giá trị 606.686đ; 01 sân gạch đỏ có giá trị 157.990đ; 07 cây cau có giá trị 1.260.000đ; 07 cây bưởi có giá trị 1.117.200đ; 01 cây hồng xiêm có giá trị 228.000đ; 04 cây mít có giá trị 1.600.000đ; 01 bộ trường kỷ gỗ dâu có giá trị 10.000.000đ; 01 tủ và 01 sập gụ có giá trị 15.000.000đ; 01 chiếu sà cừ có giá trị 5.000.000đ; 01 tủ gỗ đôi có giá trị 4.000.000đ và 232m² đất 5% trong thửa đất số 689-1, tờ bản đồ số 02, có giá trị 46.400.000đ.

Phần đất được chia nêu trên có sơ đồ đính kèm theo bản án.

Khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người được chia đất phải có nghĩa vụ tài chính đối với phần đất mình được chia.

Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Mạnh H số tiền chênh lệch thừa kế 13.984.187đ (*mười ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng*).

4. Trách nhiệm do chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Quyền, nghĩa vụ khi thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí:

* Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu 39.614.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 060087 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì; ông Hùng còn phải nộp tiếp số tiền 34.614.000đ (*ba mươi bốn triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng*).

* Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Viết Văn